TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27/02/2026
V/v *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Phượng;
2. Bà Đoàn Sơn Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

Đại diện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1951 (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đinh Văn H, sinh năm 1943 (Vắng mặt lần 2).

Cùng địa chỉ: Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày như sau: Hôn nhân của bà và ông Đinh Văn H đến với nhau là do tự quen biết, tìm hiểu nhau khoảng thời gian thì tự nguyện về chung sống như vợ chồng từ năm 1978 đến nay chưa đăng kí kết hôn.

Bà và ông H chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian thì vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không có tiếng nói chung; thường xuyên cãi vả, không dung hòa được nên dần hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Nay bà B xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông H có 04 con chung tên Đinh Thị K, sinh năm 1980; Đinh văn Q, sinh năm 1982; Đinh Thị Kiều E, sinh năm 1985 và Đinh Văn T, sinh năm 1996. Tất cả con chung đã thành niên nên khi ly hôn bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đinh Văn H mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà B được ly hôn với ông H. Về con chung, đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B xin ly hôn với bị đơn ông Đinh Văn H thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - Cần Thơ. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân của bà B và ông H đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, tuy không đăng ký kết hôn nhưng ông, bà chung sống với nhau từ năm 1978. Theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật HNGĐ 2000 để giải quyết và Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì hôn nhân của nguyên đơn, bị đơn là hôn nhân thực tế. Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do ông, bà bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong xây dựng gia đình nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay.

Thời gian ly thân khá dài nguyên đơn, bị đơn không hàn gắn được tình cảm; cho thấy nguyên đơn, bị đơn mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, phù hợp với biên bản xác minh Tòa án lập ngày 29/12/2025. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông H là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 04 con chung tên Đinh Thị K, sinh năm 1980; Đinh văn Q, sinh năm 1982; Đinh Thị Kiều E, sinh năm 1985 và Đinh Văn T, sinh năm 1996. Tất cả con chung đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với bị đơn nếu có yêu cầu chia tài chung, riêng và nợ thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật HNGĐ 2000 để giải quyết và Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị B được ly hôn với ông Đinh Văn H.

- *Về con chung*: Có 04 con chung tên Đinh Thị K, sinh năm 1980; Đinh văn Q, sinh năm 1982; Đinh Thị Kiều E, sinh năm 1985 và Đinh Văn T, sinh năm 1996. Tất cả con chung đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, riêng và nợ*: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với bị đơn nếu có yêu cầu chia tài chung, riêng và nợ thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

- *Về án phí*: Bà Trần Thị B được miễn nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND KV 4- Cần Thơ;
- VKS KV 4 – Cần Thơ;
- THA dân sự TP Cần Thơ;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hà Thía